

PHÚ-AN HƯNG THỊNH

Phú-An Hưng Thịnh là giải pháp tài chính ưu việt, giúp tăng trưởng tài sản hiệu quả, an toàn, đồng thời mang đến cho bạn và gia đình sự an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống. Đặc biệt, với **Phú-An Hưng Thịnh**, bạn có thể linh hoạt tối đa trong việc hoạch định và thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn và trung hạn.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

| TIẾT KIỆM HIỆU QUẢ, AN TOÀN | LINH HOẠT THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU | BẢO VỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH |
|--|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được hưởng lãi suất hấp dẫn từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chungTrong mọi trường hợp, lãi suất luôn được đảm bảo:<ul style="list-style-type: none">Từ 5,5%/năm trong 3 Năm hợp đồng đầu tiênTừ 4,5%/năm trong suốt những Năm hợp đồng còn lại <p>• Tổng quyền lợi tiết kiệm dự kiến: (1)</p> <p>350.019.000 đồng</p> | <p>Khách hàng có thể chủ động:</p> <ul style="list-style-type: none">Tích lũy thêm để hưởng lãi ⁽²⁾Rút tiền thực hiện các kế hoạchLựa chọn mức phí đóng và Số tiền bảo hiểm phù hợp nhu cầu và khả năng tài chínhTăng/giảm Số tiền bảo hiểm theo nhu cầu ⁽³⁾ĐẶC BIỆT: miễn thăm định sức khỏe khi tăng Số tiền bảo hiểm vào các thời điểm: kết hôn, sinh con, nhận con nuôi, con bắt đầu học cấp 1, 2, 3, Đại học ⁽⁴⁾ | <p>Quyền lợi bảo vệ tối đa: 850.019.000 đồng.</p> <p>khi rủi ro không may xảy ra với Người được bảo hiểm ⁽⁵⁾</p> |

• Phí bảo hiểm cơ bản:

50.000.000 đồng

• Tổng khoản tích lũy thêm dự kiến:

150.000.000 đồng

• Tổng khoản tiền rút dự kiến:

đồng

Ghi chú:

(1) Giá trị tiết kiệm minh họa ở cuối Thời hạn hợp đồng với mức lãi suất đầu tư dự kiến là 7%/năm. Giá trị này bao gồm các khoản rút tiền trước đó, nếu có.

(2) Khách hàng có thể tích lũy thêm thông qua Phí bảo hiểm tích lũy thêm trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên.

(3) Tăng/giảm Số tiền bảo hiểm kể từ Năm hợp đồng thứ 3.

(4) Quyền lợi được áp dụng một lần trong suốt Thời hạn hợp đồng và trước tuổi 51 của Người được bảo hiểm, với mức tăng tối đa bằng 50% Số tiền bảo hiểm ban đầu nhưng không vượt quá 500 triệu đồng. Việc tăng Số tiền bảo hiểm sẽ làm tăng Chi phí bảo hiểm rủi ro và giảm Giá trị tài khoản hợp đồng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tiết kiệm theo kế hoạch, khách hàng nên đóng thêm phí bảo hiểm sau khi tăng Số tiền bảo hiểm.

(5) Trường hợp tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV).

Quyền lợi bảo hiểm chi tiết được mô tả trong các trang tiếp theo của Bảng minh họa Quyền lợi bảo hiểm này.

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

| | Họ và tên | Giới tính | Tuổi | Nhóm nghề nghiệp | CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh số |
|-----------------------------|---------------|-----------|------|------------------|--------------------------------|
| Bên mua bảo hiểm | ĐỖ THỊ LY ANH | Nữ | 46 | 2 | 0 |
| Người được bảo hiểm (NĐBH): | ĐỖ THỊ LY ANH | Nữ | 46 | 2 | |
| Địa chỉ liên hệ: | | | | | |

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Đơn vị tính: đồng

| Sản phẩm | Người được bảo hiểm | Thời hạn hợp đồng | Số tiền bảo hiểm | Phí bảo hiểm cơ bản |
|--------------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------|
| Phú-An Hưng Thịnh | ĐỖ THỊ LY ANH | 10 | 500.000.000 | 50.000.000 |
| Phí bảo hiểm cơ bản: | | | | 50.000.000 |
| Phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu tiên: | | | | 50.000.000 |

Phí bảo hiểm tích lũy thêm đầu tiên 50.000.000

Tổng phí bảo hiểm đầu tiên **100.000.000**

Phương thức đóng phí bảo hiểm: Chuyển khoản

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

Đơn vị tính: đồng

| Sự kiện bảo hiểm | Quyền lợi bảo hiểm |
|---|--|
| Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của NĐBH | 500.000.000 đồng và Giá trị tài khoản hợp đồng |

Ghi chú:

- Số tiền bảo hiểm bằng bội số của Phí bảo hiểm cơ bản và được xác định dựa trên tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm.
- Tổng phí bảo hiểm đầu tiên là số phí được đóng tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm.

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

- Phí bảo hiểm cơ bản:** khoản phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm chọn đóng tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của Prudential. Phí bảo hiểm cơ bản sẽ được đầu tư vào Quỹ liên kết chung, sau khi trừ Chi phí ban đầu.
- Phí bảo hiểm tích lũy thêm:** khoản tiền Bên mua bảo hiểm đóng thêm trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên sau khi Phí bảo hiểm cơ bản đã được đóng đầy đủ tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm. Phí bảo hiểm tích lũy thêm sẽ được đầu tư vào Quỹ liên kết chung, sau khi trừ Chi phí ban đầu.
- Tài khoản cơ bản:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ sau khi trừ các chi phí liên quan (nếu có).
- Tài khoản tích lũy thêm:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm tích lũy thêm được phân bổ sau khi trừ các chi phí liên quan (nếu có).
- Giá trị tài khoản hợp đồng:** tổng của Tài khoản cơ bản và Tài khoản tích lũy thêm và được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư do Prudential công bố tại từng thời điểm.
- Chi phí ban đầu:** 3% của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm tích lũy thêm (nếu có), được khấu trừ trước khi các khoản phí này được phân bổ vào Tài khoản cơ bản và Tài khoản tích lũy thêm tương ứng.
- Chi phí bảo hiểm rủi ro:** khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết trong Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro được xác định dựa trên giới tính, sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm và thay đổi theo tuổi của Người được bảo hiểm.
- Chi phí quản lý hợp đồng:** khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là 20.000 đồng/tháng.
- Chi phí quản lý quỹ:** khoản chi phí được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung, hiện tại là 2%/năm.
- Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng:** khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng như quy định trong bảng sau:

| Năm hợp đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6+ |
|--|-----|----|----|----|----|----|
| % của số tiền rút từ Tài khoản cơ bản | 10% | 9% | 8% | 5% | 3% | 0% |
| % của số tiền rút từ Tài khoản tích lũy thêm | 5% | 5% | 3% | 3% | 3% | 0% |

- Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:** khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn như quy định trong bảng sau:

| Năm hợp đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6+ |
|-------------------------------|-----|----|----|----|----|----|
| % của Tài khoản cơ bản | 10% | 9% | 8% | 5% | 3% | 0% |
| % của Tài khoản tích lũy thêm | 5% | 5% | 3% | 3% | 3% | 0% |

B. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Năm hợp đồng | Tuổi NĐBH chính | Phí bảo hiểm cơ bản | Phí bảo hiểm tích lũy thêm | Chi phí ban đầu | Phí bảo hiểm được phân bổ | GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO | | | | | | Thưởng duy trì hợp đồng | Rút tiền ⁽²⁾ |
|---------------------------|-----------------|---------------------|----------------------------|-----------------|---------------------------|---|---------------------------------|--|----------------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | | | | Lãi suất cam kết 5,5%/năm cho 3 năm đầu, 4,5%/năm từ năm thứ 4 đến năm thứ 10 | | | | | | | |
| | | | | | | Chi phí bảo hiểm rủi ro | Tài khoản cơ bản ⁽¹⁾ | Tài khoản tích lũy thêm ⁽¹⁾ | Giá trị tài khoản hợp đồng | Giá trị hoàn lại | Quyền lợi TV/TTTB&VV | | |
| 1 | 46 | 50.000 | 50.000 | 3.000 | 97.000 | 2.015 | 51.168 | 48.846 | 100.013 | 92.454 | 600.013 | - | - |
| 2 | 47 | - | 50.000 | 1.500 | 48.500 | 2.185 | 53.982 | 100.203 | 154.185 | 144.316 | 654.185 | - | - |
| 3 | 48 | - | 50.000 | 1.500 | 48.500 | 2.365 | 56.951 | 154.200 | 211.151 | 201.969 | 711.151 | - | - |
| 4 | 49 | - | - | - | - | 2.560 | 59.514 | 158.271 | 217.785 | 210.061 | 717.785 | - | - |
| 5 | 50 | - | - | - | - | 2.765 | 62.192 | 162.316 | 224.507 | 217.772 | 724.507 | - | - |
| 6 | 51 | - | - | - | - | 2.985 | 64.990 | 166.317 | 231.307 | 231.307 | 731.307 | - | - |
| 7 | 52 | - | - | - | - | 3.230 | 67.915 | 170.247 | 238.162 | 238.162 | 738.162 | - | - |
| 8 | 53 | - | - | - | - | 3.500 | 70.971 | 174.078 | 245.049 | 245.049 | 745.049 | - | - |
| 9 | 54 | - | - | - | - | 3.815 | 74.165 | 177.758 | 251.923 | 251.923 | 751.923 | - | - |
| 10 | 55 | - | - | - | - | 4.165 | 77.502 | 181.245 | 258.747 | 258.747 | 758.747 | - | - |
| Tổng/ Cộng dồn | | 50.000 | 150.000 | 6.000 | 194.000 | 29.585 | | | 258.747 | 258.747 | | - | - |

Ghi chú:

(1) Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng được khấu trừ theo thứ tự từ Tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.

(2) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào từ Giá trị tài khoản hợp đồng trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực. (Các) khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.

B. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Năm hợp đồng | Tuổi NDBH chính | Phí bảo hiểm cơ bản | Phí bảo hiểm tích lũy thêm | Chi phí ban đầu | Phí bảo hiểm được phân bổ | GIÁ TRỊ MINH HỌA | | | | | | Thưởng duy trì hợp đồng | Rút tiền (3) |
|---------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------------|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------|
| | | | | | | Mức lãi suất dự kiến 8%/năm (1) | | | | | | | |
| | | | | | | Chi phí bảo hiểm rủi ro | Tài khoản cơ bản (2) | Tài khoản tích lũy thêm (2) | Giá trị tài khoản hợp đồng | Giá trị hoàn lại | Quyền lợi TV/TTTB& VV | | |
| 1 | 46 | 50.000 | 50.000 | 3.000 | 97.000 | 2.015 | 52.380 | 50.028 | 102.408 | 94.669 | 602.408 | - | - |
| 2 | 47 | - | 50.000 | 1.500 | 48.500 | 2.185 | 56.570 | 103.882 | 160.452 | 150.167 | 660.452 | - | - |
| 3 | 48 | - | 50.000 | 1.500 | 48.500 | 2.365 | 61.096 | 161.856 | 222.952 | 213.209 | 722.952 | - | - |
| 4 | 49 | - | - | - | - | 2.560 | 65.984 | 171.884 | 237.868 | 229.412 | 737.868 | - | - |
| 5 | 50 | - | - | - | - | 2.765 | 71.262 | 182.502 | 253.764 | 246.151 | 753.764 | - | - |
| 6 | 51 | - | - | - | - | 2.985 | 76.963 | 193.739 | 270.702 | 270.702 | 770.702 | - | - |
| 7 | 52 | - | - | - | - | 3.230 | 83.121 | 205.619 | 288.739 | 288.739 | 788.739 | - | - |
| 8 | 53 | - | - | - | - | 3.500 | 89.770 | 218.168 | 307.938 | 307.938 | 807.938 | - | - |
| 9 | 54 | - | - | - | - | 3.815 | 96.952 | 231.393 | 328.345 | 328.345 | 828.345 | - | - |
| 10 | 55 | - | - | - | - | 4.165 | 104.708 | 245.311 | 350.019 | 350.019 | 850.019 | - | - |
| Tổng/ Cộng dồn | | 50.000 | 150.000 | 6.000 | 194.000 | 29.585 | | | 350.019 | 350.019 | | - | - |

Ghi chú:

- (1) Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung được công bố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa.
- (2) Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng được khấu trừ theo thứ tự từ Tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.
- (3) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào từ Giá trị tài khoản hợp đồng trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực. (Các) khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.

Ghi chú:

- Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm này dựa trên giả định:
 - Phí bảo hiểm tích lũy thêm được minh họa trên đây được đóng đầy đủ như dự kiến và không có giao dịch nào làm thay đổi Giá trị tài khoản hợp đồng.
 - Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Prudential.
- Chi phí quản lý hợp đồng đã được khấu trừ khi minh họa Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Để biết thêm chi tiết về quyền lợi của sản phẩm, vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.

| XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN | XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">• Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.• Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. | <ul style="list-style-type: none">• Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên có tên nêu trên phân tích về nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi có khả năng tài chính để đóng phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này.• Tôi xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm bảo hiểm này.• Tôi hiểu Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung, phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Giá trị tài khoản hợp đồng, nên Giá trị tài khoản hợp đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Bảng minh họa này.• Tôi hiểu Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0.• Tôi đồng ý tham gia sản phẩm bảo hiểm này với chi tiết được trình bày và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng bảo hiểm. |
| <p>Chữ ký: _____ Họ và tên: Mã số Tư vấn viên: Ngày: ____/____/____</p> | <p>Chữ ký: _____ Họ và tên: Ngày: ____/____/____</p> |

BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM